

Số: 47/BC-HKL

Thuận Bắc, ngày 13 tháng 4 năm 2022

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Thuận Bắc

Kính gửi:

- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục Kiểm lâm tỉnh Ninh Thuận;
- UBND huyện Thuận Bắc.

Thực hiện Công văn số 72/HĐND-VP ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021;

Thực hiện Công văn số 239/CCKL-QLBVRBTTN ngày 24/3/2022 của Chi cục Kiểm lâm về việc báo cáo theo Đề cương giám sát chuyên đề của Đoàn giám sát thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

Thực hiện Công văn số 1213/UBND-KT ngày 31/3/2022 của UBND huyện Thuận Bắc về việc tham mưu chuẩn bị nội dung báo cáo giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2021.

Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Bắc báo cáo như sau:

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Thực trạng tài nguyên rừng

- Tổng diện tích tự nhiên toàn huyện là: 31.826,12 ha;
- Tổng diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng: 20.597,89 ha.

1.1. Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo hiện trạng rừng:

a) Diện tích có rừng 12.960,19 ha, gồm:

- Rừng tự nhiên: 10.710,48 ha;
- Rừng trồng: 2.249,71 ha;

b) Diện tích chưa thành rừng: 7.637,70 ha. gồm:

- Diện tích đã trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng: 280 ha
- Diện tích khoanh nuôi tái sinh: 904,58 ha
- Diện tích khác: 6.453,12 ha

1.2. Diện tích rừng và diện tích chưa thành rừng phân theo mục đích sử dụng:

- Đặc dụng: 11.900,13 ha (gồm: Rừng tự nhiên 6.462,87 ha; rừng trồng 1.614,92 ha; diện tích chưa thành rừng 3.822,34 ha);
- Phòng hộ: 8.175,57 ha (gồm: Rừng tự nhiên 4.144,38 ha; rừng trồng 572,49 ha;

diện tích chưa thành rừng 3.458,70 ha);

- Sản xuất: 522,19 ha (gồm: Rừng tự nhiên: 103,23ha; Rừng trồng 62,30 ha; diện tích chưa thành rừng 356,66 ha).

1.3. Độ che phủ rừng toàn huyện:

- Độ che phủ rừng huyện Thuận Bắc tại thời điểm tháng 01/2022 là 40,72 % (không tính 280 ha rừng trồng chưa thành rừng).

- Theo Quyết định số 146/QĐ-UBND ngày 25/02/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả rà soát diện tích rừng trồng ngoài quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận, địa bàn huyện Thuận Bắc có 355,82 ha rừng trồng, qua đó tổng diện tích có rừng là 13.316,01ha, đưa độ che phủ rừng lên 41,8% (Kết quả rà soát sẽ được *Hạt cập nhật diễn biến rừng trong quý II năm 2022, khi Cục Kiểm lâm ban hành phần mềm cập nhật diễn biến rừng mới*)

2. Thực trạng về lực lượng làm nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị chủ rừng:

2.1 Thực trạng về lực lượng Kiểm lâm:

Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Bắc được biên chế 11 công chức. Trong đó: có 10 Nam và 01 Nữ; trình độ chuyên môn: Đại học 08 công chức, trung cấp: 03 công chức; trình độ lý luận Chính trị: Cao cấp 02 công chức, Trung cấp 03 công chức và Sơ cấp 01 công chức. Bộ máy gồm 02 lãnh đạo; 01 kế toán; 03 Tổ chuyên môn, nghiệp vụ; 05 Kiểm lâm địa bàn.

2.1 Thực trạng về lực lượng các đơn vị chủ rừng:

Các đơn vị chủ rừng được giao quản lý diện tích rừng nằm trên địa giới hành chính nhiều huyện, trụ sở đặt tại huyện khác, chỉ bố trí các trạm Kiểm lâm, QLBRV trực thuộc triển khai công tác QLBRV trên địa bàn huyện Thuận Bắc, cụ thể:

- Ban QLRRPHDN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu bố trí 02 Trạm QLBRV gồm: Phước Chiến, Phước Kháng, mỗi trạm 04 nhân viên

- Hạt Kiểm lâm - Ban quản lý Vườn quốc gia Núi Chúa bố trí 04 Trạm Kiểm lâm gồm: Kiên Kiên, Bình Nghĩa, Suối Giếng, Bình Tiên, trung bình mỗi trạm 04 công chức Kiểm lâm

II. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện:

1. Căn cứ pháp lý để triển khai thực hiện về công tác quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng trong giai đoạn 2016 - 2021: (thống kê tổng hợp danh mục văn bản).

- Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14, ngày 15 tháng 11 năm 2017;
- Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10, ngày 29/6/2001;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy số 40/2013/QH13 ngày 22/11/2013;
- Luật Dân quân tự vệ số 48/2019/QH14, ngày 22/11/2019;
- Chỉ thị 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lâm nghiệp và Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ Quy định về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ;
- Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21/03/2017 của Chính phủ Quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn;
- Nghị định số 79/2014/NĐ-CP, ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;
- Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;
- Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;
- Nghị định số 01/2019/NĐ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về Kiểm lâm và Lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng;
- Quyết định số 523/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 08/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ, ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng;
- Chỉ thị số 1685/CT-TTg ngày 27/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chỉ đạo thực hiện các biện pháp bảo vệ rừng, ngăn chặn tình trạng phá rừng và chống người thi hành công vụ;
- Quy chế số 06/QC-BCA-BNN&PTNT ngày 30/12/2020 giữa Bộ Công an và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định số 38/2005/QĐ-BNN ngày 07/7/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành định mức kinh tế-kỹ thuật trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh và bảo vệ rừng;
- Thông tư số 25/2019/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định về phòng cháy, chữa cháy rừng;
- Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật phòng cháy, chữa cháy;
- Kế hoạch số 66/KHPH-PCCC-KL ngày 09/4/2021 về việc phối hợp giữa Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ và Cục Kiểm lâm trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng.

KIỂM
 H.
 THU.

2. Công tác tham mưu, ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành, văn bản hướng dẫn, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng giai đoạn 2016 - 2021 theo thẩm quyền: (thống kê kèm danh mục văn bản ban hành).

Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Bắc đã chủ động tham mưu UBND huyện ban hành các văn bản theo thẩm quyền mang tính chất lâu dài, cụ thể:

- Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 20/6/2017 của Huyện ủy Thuận Bắc về việc triển khai thực hiện Kế hoạch số 65-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW;

- Quy chế hợp số 01/QCPh-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Thuận Bắc về bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh hòa;

- Quy chế phối hợp thực hiện Nghị định số 02/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về hoạt động phối hợp của Dân quân tự vệ trên địa bàn huyện Thuận Bắc được UBND huyện Thuận Bắc ban hành theo Quyết định số 588/QĐ-UBND ngày 27/5/2020;

- Kế hoạch phối hợp số 101/KHPh-HKLTB, BA, VQGNC-TPCR, ngày 11/6/2021 về triển khai nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bắc Ái, Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh. tỉnh Khánh Hòa.

- Quy chế phối hợp trong công tác bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng trên địa bàn huyện Thuận Bắc được UBND huyện ban hành theo Quyết định số 150/QĐ-BCĐ ngày 18/8/2020;

- Bên cạnh đó cũng đã xây dựng phương án, kế hoạch hàng năm như: Phương án PCCCR&TQCPR; kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng; kế hoạch cao điểm PCCCR và TQCPR trước, trong và sau tết Dương Lịch, Nguyên Đán.

3. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, ý nghĩa, tầm quan trọng, trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng:

Ngay từ đầu mùa khô lực lượng Kiểm lâm, các đơn vị chủ rừng đã chủ động phối hợp với chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, tổ chức họp dân tuyên truyền 156 đợt với 12.672 lượt người tham gia; hướng dẫn người dân đốt dọn nương rẫy theo đúng quy trình, thời điểm, ... cũng như tuyên truyền, vận động người dân ký cam kết không chặt phá rừng làm rẫy, lấn chiếm trái pháp luật 156 hộ. Ngoài ra đã cung cấp nội dung tuyên truyền pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp đến các xã để thường xuyên phát trên loa đài đến toàn thể nhân dân.

4. Những hạn chế, vướng mắc, bất cập và nguyên nhân (khách quan, chủ quan): hạn chế quy định trong văn bản quy phạm pháp luật, hạn chế quy định trong các văn bản cụ thể hoá chỉ đạo, điều hành, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện:

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chi cục Kiểm lâm về việc rà soát, thống kê tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hình thức kê khai (sổ đỏ) cho hộ dân, qua đó trên địa bàn huyện có 1.474 hộ được cấp với 905,31 ha (xã Phước Chiến: 422 hộ với 292,39; xã Phước Kháng: 327 hộ với 222,85; xã Công Hải: 450 hộ với 241,75 ha; xã Lợi Hải: 275 hộ với 148,32 ha) diện tích này nằm xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng, đến nay chưa được bóc tách, có hướng xử lý dứt điểm dẫn đến bất cập trong

công tác quản lý.

III. Kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; sử dụng đất rừng, phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện

1. Công tác quản lý, bảo vệ rừng:

a) Công tác quản lý rừng:

- Phối hợp với các cơ quan, ngành, địa phương các xã tham gia xây dựng quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016-2025 phù hợp với tình hình thực tế địa phương; tiếp nhận bàn giao quy hoạch, triển khai công tác quản lý, bảo vệ trên kết quả quy hoạch đã được phê duyệt:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo Của Chi cục Kiểm lâm về việc rà soát quy hoạch tích hợp quy hoạch tỉnh, quy hoạch lâm nghiệp quốc gia. Hạt Kiểm lâm huyện Thuận Bắc phối hợp với các phòng chuyên môn của huyện, các đơn vị chủ rừng, UBND các xã rà soát, quy hoạch, tích hợp các dự án trên địa bàn toàn huyện vào quy hoạch lâm nghiệp của tỉnh và quy hoạch lâm nghiệp quốc gia.

- Công tác bàn giao thực địa, hiện trạng quản lý rừng và đất lâm nghiệp cho chủ rừng và UBND xã: Tham gia công tác bàn giao thực địa cho chủ quản lý, bàn giao đất quy hoạch đưa ra 03 loại rừng để sản xuất nông nghiệp cho UBND các xã do Chi cục Kiểm lâm chủ trì. Chủ trì phối hợp với UBND các xã, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban QLRPHDN liên hồ Sông Sắt - Sông Trâu tiến hành bàn giao thực địa đất quy hoạch đưa ra 03 loại rừng để sản xuất nông nghiệp đợt 2 cho UBND 4 xã với diện tích 527,39ha (xã Công Hải 26,11ha, xã Lợi Hải 13,48 ha, xã Phước Chiến 382,53 ha, xã Phước Kháng 105,27 ha).

- Công tác tổ chức cắm mốc ranh giới quản lý rừng và đất lâm nghiệp: Hiện nay các đơn vị chủ rừng, UBND xã Công Hải (trực tiếp quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê) đã tiến hành cắm mốc ranh giới hiện trạng quản lý.

- Lập hồ sơ quản lý nương rẫy (kết quả quản lý diện tích đất nương rẫy đan xen trong quy hoạch 03 loại rừng): Trên toàn địa bàn huyện có 3.677,58 ha nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng, hiện tiếp tục quản lý chặt chẽ không để xảy ra tình trạng lấn chiếm; công tác lập hồ sơ quản lý sẽ triển khai thực hiện trong quý II năm 2022 theo chỉ đạo của Chi cục Kiểm lâm.

- Kết quả chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021, đặc biệt là chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo quy định pháp luật: Đã chuyển mục đích sử dụng 82,96 ha, trong đó 4,89 ha rừng tự nhiên: trình tự, thủ tục được thực hiện đúng quy trình, thẩm quyền theo quy định.

- Thực hiện nguyên tắc các diện tích rừng có chủ, do đó quy hoạch giai đoạn 2016-2025 các diện tích do UBND các xã quản lý đã được chuyển cho các đơn vị chủ rừng quản lý; hiện còn 34,45 ha chưa giao, chưa cho thuê do UBND xã Công Hải quản lý, số diện tích này được điều chỉnh ra ngoài quy hoạch 03 loại rừng để thực hiện dự án trên địa bàn.

- Công tác theo dõi diễn biến rừng, xác định các diện tích biến động của từng loại rừng, từng chủ rừng cập nhật diễn biến rừng, đồng bộ dữ liệu về trung tâm kịp thời, theo quy

HA
ML
YE
4B

định; phục vụ công tác xây dựng quy hoạch, kế hoạch trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thực hiện công tác quản lý, lưu trữ hồ sơ, cơ sở dữ liệu rừng cấp huyện theo quy định.

b) Công tác bảo vệ rừng:

- Công tác tuần tra truy quét chống phá rừng được triển khai quyết liệt, đã tổ chức 1.128 đợt với 9.713 lượt người tham gia, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng trên địa bàn; các vụ việc vi phạm đều được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

- Chủ trì phối hợp với Hạt Kiểm lâm: Huyện Bác Ái, VQG Núi Chúa, thành phố Cam Ranh tham mưu UBND: Huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Hải, thành phố Cam Ranh ký kết Quy chế hợp số 01/QCPh-UBND ngày 10/6/2021 về bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Hải tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh tỉnh Khánh hòa;

- Chủ trì phối hợp với Hạt Kiểm lâm: Huyện Bác Ái, VQG Núi Chúa, thành phố Cam Ranh xây dựng và ký kết Kế hoạch phối hợp số 101/KHPH-HKLTB, BA, VQGNC-TPCR, ngày 11/6/2021 về triển khai nhiệm vụ quản lý, bảo vệ rừng vùng giáp ranh giữa các huyện Thuận Bắc, Bác Ái, Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa;

- Công tác xây dựng, triển khai thực hiện phương án phòng cháy, chữa cháy rừng và truy quét chống phá rừng hàng năm là căn cứ pháp lý để các đơn vị, ban ngành có liên quan trên địa bàn huyện chủ động, sẵn sàng, giúp nâng cao hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng qua đó tăng cường hơn nữa các hoạt động như tuyên truyền, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, công cụ..., bố trí điểm trực, tổ chức tuần tra, truy quét, nhằm phát hiện kịp thời, ứng cứu và ngăn chặn những tình huống, hoạt động trái pháp luật, gây nguy hại làm suy giảm diện tích và chất lượng rừng;

- Trên cơ sở văn bản pháp luật đã quy định, hướng dẫn, lực lượng Kiểm lâm, Công an, Quân sự, các đơn vị chủ rừng, các phòng chuyên môn của huyện đã ký kết và triển khai thực hiện Quy chế phối hợp liên ngành trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, xây dựng kế hoạch phối hợp kiểm tra liên ngành Kiểm lâm, Công an, Quân sự để nhanh chóng triển khai thực hiện có hiệu quả.

- Công tác đấu tranh phòng chống và xử lý các hành vi phá rừng, mua, bán, vận chuyển lâm sản trái pháp luật; thanh tra, kiểm tra công tác PCCCR cần được sự phối hợp của nhiều cơ quan, nhiều ngành đều được các cơ quan, ngành hỗ trợ kịp thời có hiệu quả, đúng quy trình, thẩm quyền, thể hiện sự thống nhất, đoàn kết, trách nhiệm của từng cơ quan; chủ động trao đổi thông tin, phối hợp giải quyết các vụ việc, liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR.

- Trên địa bàn huyện xảy ra 08 vụ cháy với 10,318 ha, đã kịp thời huy động 155 lượt người tham gia chữa cháy rừng, không để xảy ra cháy lan, cháy lớn; các vụ cháy chủ yếu là cháy thảm thực vật, lá khô nên không ảnh hưởng đến rừng, thiệt hại không đáng kể.

- Qua các đợt tuần tra truy quét chống phá rừng đã phát hiện, củng cố hồ sơ 69 vụ; trong đó: 68 vụ hành chính, 01 vụ hình sự;

+ Đã xử lý 66 vụ hành chính (02 vụ phá rừng trái pháp luật do Công an huyện tiếp nhận điều tra, xác minh, đến nay chưa xác định được đối tượng); 01 vụ hình sự (Xử phạt 03 bị cáo 18 tháng tù, cho hưởng án treo).

+ Tang vật, phương tiện tịch thu gồm: 10 xe mô tô; 5 cửa máy; 12 phương tiện khác; 8.684 m³ gỗ tròn; 2.810 m³ gỗ xẻ; 13 ster củi; 109 cây cảnh; 935 kg than hầm; 153 kg gốc rễ; 120 kg thực vật rừng ngoài gỗ; thu nộp ngân sách Nhà nước 255.022.000 đ.

- Trên địa bàn huyện xảy ra 03 vụ phá rừng trái pháp luật, đã xử lý vi phạm hành chính 01 vụ; 02 vụ xảy ra tại khu vực giáp ranh với xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa, cụ thể các đối tượng xử dụng hóa chất xịt cây rừng trồng gây thiệt hại 13,9 ha rừng trồng chưa thành rừng, mặc dù cơ quan điều tra Công an huyện tiếp nhận hồ sơ, tổ chức điều tra, xác minh nhưng vẫn chưa xác định được đối tượng vi phạm.

2. Công tác phát triển rừng, sử dụng đất rừng:

- Các đơn vị chủ rừng đã chủ động từ khâu chuẩn bị giống và trồng khi thời tiết thuận lợi nên đều hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng hàng năm, tổng diện tích rừng đã trồng là 139,51 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên 904,15 ha.

- Thực hiện Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/09/2015 các đơn vị đã lập hồ sơ tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia nhận rừng khoán quản được vay ưu đãi để phát triển chăn nuôi, hỗ trợ sinh kế cho người dân, qua đó 59 hộ được giải ngân, với 50.000.000đ/hộ. Số tiền được vay vốn từ Ngân hàng Chính sách đều được các hộ dân sử dụng vào mục đích chăn nuôi, đầu tư vào mua giống cây trồng và trang trải cuộc sống sinh hoạt; phần lớn số hộ được vay vốn đầu tư chăn nuôi đến nay đã bắt đầu có hiệu quả; ngoài ra còn trích lại một phần kinh phí nhận khoán bảo vệ rừng để mua Bò, Dê sinh sản, giúp người dân có nguồn thu nhập ổn định, đây là giải pháp hữu hiệu giúp bà con tiết kiệm, tạo nguồn thu và giảm nghèo bền vững;

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí phát triển cộng đồng vùng đệm rừng đặc dụng cho 02 thôn: Bình Nghĩa, Xóm Đèn với 40.000.000đ/thôn tiến hành lựa chọn và thực hiện mô hình sinh kế, qua đó giải quyết công lao động nhân rồi, tăng nguồn thu nhập cho người dân. Ngoài ra đã huy động trên 10.000 ngày/năm công lao động địa phương tham gia gieo tạo cây giống, chăm sóc rừng trồng và khoanh nuôi tái sinh rừng trên địa bàn.

- Hàng năm được Chi cục Kiểm lâm mở các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, giới thiệu những điểm mới trong các văn bản quy phạm pháp luật qua đó đã nâng cao trình độ chuyên môn của lực lượng Kiểm lâm nói chung.

3. Đánh giá kết quả thực hiện tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 so chỉ tiêu Nghị quyết HĐND tỉnh (chỉ tiêu giai đoạn 2016 - 2020 và chỉ tiêu của năm 2021)

- Năm 2016 độ che phủ rừng huyện Thuận Bắc là 27,39 % đến năm 2021 tăng lên 40,72%, nguyên nhân là tiêu chí rừng tự nhiên thay đổi giữa Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Luật Bảo vệ và Phát triển rừng năm 2004 (Dự án điều tra, đánh giá và giám sát tài nguyên rừng tỉnh Ninh Thuận được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 204/QĐ-UBND ngày 07/5/2021)

- Tình trạng phá rừng trái pháp luật được kiểm soát, diện tích rừng được bảo vệ nên tỷ lệ che phủ rừng được duy trì, hơn nữa một số diện tích rừng trồng qua các năm được nghiệm thu thành rừng, góp phần tăng tỷ lệ độ che phủ rừng.

4. Đánh giá việc thực hiện chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, nhất là các chính sách ưu đãi đầu tư cho phát triển rừng sản xuất ở những vùng đất trống, đồi núi trọc, phục hồi rừng tự nhiên, phát triển giống cây lâm nghiệp công nghệ cao:

Kinh phí thực hiện công tác PCCCR và truy quét chống phá rừng cấp huyện được cấp hàng năm đảm bảo triển khai thực hiện; bên cạnh đó kinh phí triển khai thực hiện Phương án PCCCR&TQCPR hàng năm của các xã tuy được quan tâm nhưng đến nay chỉ cấp kinh phí cho năm 2019, 2020 còn các năm còn lại chưa được cấp, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả triển khai tại cơ sở.

5. Đánh giá hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước chính quyền các cấp và hoạt động của Kiểm lâm về hoạt động lâm nghiệp tại địa phương:

- Qua 5 năm thực hiện Chỉ thị 13-CT/TW, ngày 12-01-2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đã được các cấp ủy, chính quyền, các ngành trong hệ thống chính trị quan tâm triển khai, đạt được những kết quả quan trọng đặc biệt là sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương được nâng cao.

- Trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp của chính quyền địa phương được nâng cao, lãnh đạo sâu sát, chỉ đạo triển khai thực hiện quyết liệt, kịp thời; tổ chức quán triệt, thực hiện nghiêm túc các Chỉ thị, Quyết định của Trung ương và của Tỉnh ủy, UBND tỉnh về công tác quản lý, bảo vệ rừng. Quá đó, công tác quản lý bảo vệ rừng trên địa bàn có chuyển biến tích cực.

- Thực hiện Quyết định số 83/2007/QĐ-BNN, ngày 04/10/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về nhiệm vụ công chức Kiểm lâm địa bàn cấp xã. Trên địa bàn huyện có 5/6 xã có rừng đều được bố trí Kiểm lâm địa bàn, trong đó 01 Kiểm lâm địa bàn chuyên trách tại xã Phước Chiển. Tham mưu UBND xã triển khai thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp trên địa bàn. Phối hợp chặt chẽ với các lực lượng bảo vệ rừng của các đơn vị chủ rừng, các ngành của xã thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt thông tin, ngăn chặn kịp thời các dấu hiệu vi phạm ban đầu có nguy cơ xâm hại đến tài nguyên rừng trên địa bàn quản lý; kiểm tra kiểm soát chặt chẽ các tuyến đường có khả năng xảy ra tình trạng vận chuyển lâm sản trái phép; ngăn chặn không cho người đưa phương tiện và công cụ ra vào rừng trái phép.

IV. Đánh giá chung

1. Thuận lợi, khó khăn:

1.1 Thuận lợi:

- Công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn huyện luôn được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, UBND huyện và Chi cục Kiểm lâm tạo điều kiện thuận lợi trong việc triển khai công tác quản lý, bảo vệ rừng trên địa bàn.

- Công tác phối kết hợp giữa cơ quan, đơn vị, ngành chức năng được triển khai đồng bộ với nhiều giải pháp tích cực: tình hình vi phạm pháp luật về lâm nghiệp được phát hiện, ngăn chặn, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn.

- Trên địa bàn huyện đã và đang triển khai thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế, qua đó giải quyết nhiều công lao động tại địa phương, tạo nguồn thu nhập ổn định, góp phần hạn chế sự tác động tiêu cực của người dân vào rừng.

1.2 Khó khăn:

- Nhu cầu sử dụng thực vật rừng làm cây cảnh trong dân đang có chiều hướng gia tăng đã gây áp lực không nhỏ cho lực lượng làm công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia phát triển rừng còn gặp nhiều trở ngại, đương cử một số hộ dân cư ngụ tại xã Cam Thịnh Tây, thành phố Cam Ranh đang canh tác nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng đã cam kết trồng rừng với đơn vị chủ rừng nhưng do xúi dục của đối tượng xấu đã phá rừng trồng chưa thành rừng trái pháp luật.

2. Kết quả đạt được:

- Tình hình khai thác, vận chuyển lâm sản trái pháp luật được ngăn chặn, phát hiện, xử lý kịp thời không để xảy ra điểm nóng trên địa bàn: tình phá rừng; lấn, chiếm diện tích chưa thành rừng kiểm soát chặt chẽ. Các vụ vi phạm trong lĩnh vực Lâm nghiệp giảm dần qua các năm.

- Hoàn thành chỉ tiêu trồng rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng tự nhiên hàng năm

- Tạo điều kiện cho các hộ dân tham gia nhận rừng khoán quản được vay ưu đãi để phát triển chăn nuôi; tranh thủ các nguồn kinh phí phát triển cộng đồng để thực hiện các mô hình sinh kế tại địa phương đây là giải pháp hữu hiệu giúp bà con tiết kiệm, tạo nguồn thu và giảm nghèo bền vững.

- Công tác phối kết hợp giữa các ngành, địa phương, vùng giáp ranh luôn được duy trì thường xuyên qua đó nắm bắt thông tin tình hình vi phạm, các nguy cơ xâm hại tài nguyên rừng cùng phối hợp điều tra, theo dõi, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Những tồn tại, hạn chế, bất cập, vướng mắc:

Mặc dù triển khai nhiều biện pháp PCCCR nhưng có năm vẫn xảy ra cháy rừng, thời gian huy động người dân, tiếp cận đám cháy chưa kịp thời dẫn đến hạn chế trong công tác chữa cháy rừng.

4. Nguyên nhân hạn chế:

Tuy đã được các cơ quan chức năng cảnh báo về nguy cơ cháy rừng vào thời điểm nắng nóng cao điểm nhưng ý thức sử dụng lửa của một số người dân còn hạn chế, đã để lửa cháy lan vào rừng và dẫn đến cháy rừng; mặc dù các đơn vị đã huy động người tham gia chữa cháy kịp thời nhưng với địa hình rừng núi hiểm trở, xa nguồn nước nên công tác chữa cháy cũng hạn chế.

V. Giải pháp thực hiện trong thời gian tiếp theo

- Tham mưu UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, UBND các xã thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ đã được giao tại kế hoạch số 165/KH-UBND ngày 10/7/2017 của UBND huyện về thực hiện Kế hoạch số 91-KH/HU ngày 20/6/2017 của Huyện ủy.

- Triển khai công tác hoạt động phòng ngừa, thực hiện tốt phương châm "4 tại chỗ" nhằm đạt mục tiêu 3 giảm (*số vụ, diện tích, và tài nguyên rừng bị thiệt hại*) trong công tác PCCCR; tổ chức cảnh báo nguy cơ cháy rừng trong thời điểm nắng nóng kịp thời đến các đơn vị chủ rừng, địa phương để chủ động phòng ngừa, triển khai công tác PCCCR; chủ động, nâng cao năng lực, xử lý kịp thời, hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; trong quá trình triển khai công tác cần quan tâm chú trọng phối kết hợp, trao đổi thông tin giữa các lực lượng, đơn vị, hỗ trợ nhau thực hiện tốt nhiệm vụ.

- Tham mưu UBND huyện ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, đơn đốc, hướng dẫn các địa phương trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng. Chỉ đạo Kiểm lâm địa bàn các xã thực hiện tốt chức năng tham mưu cho chính quyền địa phương các xã triển khai có hiệu quả các giải pháp trong công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; tăng cường kiểm tra vùng trọng điểm cháy rừng, ngăn chặn kịp thời người đưa phương tiện, công cụ vào rừng nhằm hạn chế đến mức thấp nhất nguồn lửa trong rừng;

- Kiểm lâm địa bàn, các Trạm Kiểm lâm, Trạm quản lý bảo vệ rừng thường xuyên bám sát địa bàn, chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn kịp thời các hành vi xâm hại tài nguyên rừng nhằm thực hiện tốt chính sách bảo vệ rừng tận gốc.

- Các đơn vị chủ rừng, UBND các xã đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý bảo vệ và phát triển rừng đến toàn thể quần chúng nhân dân sống, canh tác trong, ven rừng bằng nhiều hình thức thiết thực, sâu rộng, phong phú, đa dạng; vận động người dân trồng rừng (*trồng cây lâm nghiệp, cây lâu năm*) trên diện tích nương rẫy xen kẽ trong quy hoạch 03 loại rừng.

- Các đơn vị chủ rừng chủ động từ khâu chuẩn bị giống và trồng khi thời tiết thuận lợi; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương các xã tuyên truyền chính sách của Nhà nước về phát triển rừng; kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo vệ rừng trên diện tích nhận khoán đối với các đơn vị, cộng đồng nhận rừng khoán quản.

- Theo dõi chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng và diện tích chưa thành rừng sang mục đích khác, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thi công công trình trong, ven rừng nhằm phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm Luật Lâm nghiệp; xử lý nghiêm đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

- Triển khai công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng song song với công tác phòng chống dịch Covid-19, thực hiện nghiêm phương châm “thích ứng an toàn với dịch” và “5K+ Vắc xin”.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, bảo vệ; phát triển rừng; tỷ lệ che phủ rừng giai đoạn 2016 - 2021 trên địa bàn huyện Thuận Bắc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VT, HCTH

HẠT TRƯỞNG



Trần Đức Hóa



Phụ biểu 01: Công tác tuyên truyền giai đoạn 2016-2021

TT	Nội dung	ĐVT	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Tuyên truyền bằng xe loa lưu động	Đợt							
2	Diễn tập PCCCR cấp tỉnh	Đợt							
3	Diễn tập PCCCR cấp huyện	Đợt							
4	Vận động hộ ký cam kết	Hộ		163	45	228	317	197	950
5	Họp dân tuyên truyền	Đợt	32	23	23	28	32	18	156
6	Lượt người họp tuyên truyền	Lượt người	2.471	2.764	2.354	2.414	1.812	857	12.672
7	Hội thi tuyên truyền cấp tỉnh	HT	1						1
8	Hội thi tuyên truyền cấp huyện	HT	1						1
9	Hội thi tuyên truyền cấp xã	HT							

Phụ biểu 02: Kết quả các vụ vi phạm QLBR từ 2016-2021

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1	Phá rừng trái phép				2	1		3
2	VPQĐ về khai thác gỗ và lâm sản khác							
3	VPQĐ về sử dụng đất lâm nghiệp							
4	VPQĐ về QLĐV hoang dã							
5	Mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép	15	9	4		2	4	34
6	VPQĐ về chế biến gỗ và lâm sản khác							
7	Vi phạm khác	3	5	8	9	4	2	31
8	Hình sự		1					1
9	Tổng	18	15	12	11	7	6	69



Phụ điều 03: Kết quả xử lý vi phạm từ năm 2016-2021

Hạng mục	2016	2017	2018	2019	2020	2021	Tổng
1. Tổng số vụ đã xử lý (vụ):	18	14	12	9	7	6	66
2. Tịch thu:							
-Ôtô, máy kéo (chiếc)							
-Xe trâu bò kéo (chiếc)							
-Xe máy (chiếc)	1	2	2		4	1	10
- Cưa máy (cái)		3	1	1			5
-Phương tiện khác (chiếc)				12			12
-Gỗ tròn (m ³)	8.394	0.29					8,684
-Gỗ xẻ (m ³)		0.708	0.047	0.221		1.834	2,810
- Cùi (Ster)	13						13
- Cây Cảnh (Cây)	2	33	6		41	27	109
- Than Hầm (Kg)	785	100	50				935
- Gốc rễ (Kg)	98	55					153
- Thực vật rừng (Kg)				120			120
-Giá trị LS ngoài gỗ (1.000 đồng)							
3. Thu nộp ngân sách nhà nước (1.000 đồng)	135.150	23.550	11.100	8.040	26.382	50.800	255.022

Phụ biểu 04: Số vụ cháy rừng từ 2016-2021

Mùa khô	Số vụ cháy	Diện tích cháy (ha)	Số vụ cháy được cứu chữa	Số người tham gia chữa cháy	Mức độ thiệt hại
2016	2	4,1	2	26	Không đáng kể
2017	0				
2018	1	0,62	1	15	Không đáng kể
2019	0				
2020	5	5,598	5	114	Không đáng kể
2021	0				
Tổng	8	10,318	8	155	



Phụ biểu 07 Tổng hợp diễn biến rừng và đất lâm nghiệp từ năm 2016-2021 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

Năm	Phân loại rừng	Diện tích đầu kỳ (ha)	Diện tích thay đổi (ha) (tăng (+), giảm (-))	Diện tích cuối kỳ (ha)	Quy hoạch 3 loại rừng (ha)				Ngoài quy hoạch (ha)	Độ che phủ rừng (%)	Quyết định công bố hiện trạng rừng của Bộ NN&PTNT
					Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất			
2016	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,39	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.329,51	0	21.329,51	21.329,51	11.945,49	7.577,27	1.806,75			
	A. Đất có rừng	8.716,88	0	8.716,88	8.716,88	5.669,7	2.827,01	220,17			
	I. Rừng tự nhiên	7.260,09	0	7.260,09	7.260,09	4.855,68	2.273,02	131,39			
	II. Rừng trồng	1.456,79	0	1.456,79	1.456,79	814,02	553,99	88,78			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,79	0	1.456,79	1.456,79	814,02	553,99	88,78			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
B. Đất chưa có rừng	12.612,63	0	12.612,63	12.612,63	6.275,79	4.750,26	1.586,58				
2017	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,38	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.329,51	-40,38	21.289,13	21.289,13	11.910,33	7.572,05	1.806,75			
	A. Đất có rừng	8.716,88	-2,26	8.714,62	8.714,62	5.667,46	2.826,99	220,17			
	I. Rừng tự nhiên	7.260,09	1,83	7.258,26	7.258,26	4.853,85	2.273,02	131,39			
	II. Rừng trồng	1.456,79	0,43	1.456,36	1.456,36	813,61	553,97	88,78			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,79	0,43	1.456,36	1.456,36	813,61	553,97	88,78			
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng										
B. Đất chưa có rừng	12.612,63	-38,12	12.574,51	12.574,51	6.242,87	4.745,06	1.586,58				
2018	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								27,38	
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.289,13	6,05	21.295,18	21.295,18	11.910,33	8.567,06	817,79			
	A. Đất có rừng	8.714,62	0	8.714,62	8.714,62	5.667,46	2.978,82	68,34			
	I. Rừng tự nhiên	7.258,26	0	7.258,26	7.258,26	4.853,85	2.404,41				
	II. Rừng trồng	1.456,36	0	1.456,36	1.456,36	813,61	574,41	68,34			
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,36	0	1.456,36	1.456,36	813,61	574,41	68,34			
2. Rừng trồng chưa có trữ lượng											

	B. Đất chưa có rừng	12.574,51	6,05	12.580,56	12.580,56	6.242,87	5.588,24	749,45		
2019	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.295,18	0	21.295,18	21.295,18	11.910,33	8.567,06	817,79		
	A. Đất có rừng	8.714,62	-7,99	8.706,63	8.706,63	5.667,46	2.978,82	60,35		
	I. Rừng tự nhiên	7.258,26	0	7.258,26	7.258,26	4.853,85	2.404,41			27,36
	II. Rừng trồng	1.456,36	-7,99	1.448,37	1.448,37	813,61	574,41	60,35		
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.456,36	-7,99	1.448,37	1.448,37	813,61	574,41	60,35		
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng									
	B. Đất chưa có rừng	12.580,56	7,99	12.588,55	12.588,55	6.242,87	5.588,24	575,44		
2020	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.295,18	-139,7	21.155,48	21.155,48	11.907,39	8.562,70	685,39		
	A. Đất có rừng	8.706,63	4.261,68	12.968,31	12.968,31	8.083,60	4.719,71	165,00		
	I. Rừng tự nhiên	7.258,26	3.455,22	10.713,48	10.713,48	6.465,44	4.144,69	103,35		40,75
	II. Rừng trồng	1.448,37	806,46	2.254,83	2.254,83	1.618,16	575,02	61,65		
	1. Rừng trồng có trữ lượng	1.448,37	806,46	2.254,83	2.254,83	1.618,16	575,02	61,65		
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng									
	B. Đất chưa có rừng	12.588,55	-4.401,38	8.187,17	8.187,17	3.823,79	3.842,99	520,39		
2021	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN	31.826,12								
	TỔNG RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP	21.155,48	-557,59	20.597,89	20.597,89	11.900,13	8.175,57	522,19		
	A. Đất có rừng	12.968,31	-8,12	12.960,19	12.960,19	8.077,79	4.716,87	165,53		
	I. Rừng tự nhiên	10.713,48	-3	10.710,48	10.710,48	6.462,87	4.144,38	103,23		40,72
	II. Rừng trồng	2.254,83	-5,12	2.249,71	2.249,71	1.614,92	572,49	62,30		
	1. Rừng trồng có trữ lượng	2.254,83	-5,12	2.249,71	2.249,71	1.614,92	572,49	62,30		
	2. Rừng trồng chưa có trữ lượng									
	B. Đất chưa có rừng	8.187,17	-549,47	7.637,70	7.637,70	3.822,34	3.458,70	356,66		

Phụ lục 08: Dự án đã được cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác giai đoạn 2016-2021



Stt	Tên dự án	Diện tích CMĐSDR (ha)											Văn bản cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác
		Tổng diện tích rừng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng đặc dụng		Rừng phòng hộ		Rừng sản xuất		Quy hoạch đưa ra giai đoạn 2007-2015		
					Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	Rừng tự nhiên	Rừng trồng	
	Tổng	15,94	4,89	11,05	4,98	6,8		4,13		0,12			
1	Dự án xây dựng các tuyến đường Vĩnh Hy - Ninh Chữ và Vĩnh Hy - Bình Tiên	2,24	1,83	0,41	1,83	0,41							Quyết định số 1876/QĐ-TTg-KTN ngày 19/10/2011 của Thủ tướng Chính Phủ
2	Dự án đầu tư và xây dựng Khu du lịch nghỉ dưỡng sinh thái cao cấp Núi Chúa (công ty Thành Trung)	2,19	2,19		2,19								Quyết định số 575/QĐ-UBND ngày 30/12/2011 của UBND tỉnh Ninh Thuận
3	Dự án khai thác mỏ đá xây dựng Tây Cô Lô 2	0,02		0,02				0,02					Quyết định số 190/QĐ-UBND ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Ninh Thuận
4	Cho công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Sơn Long Thuận thuê để khai thác đá	0,14		0,14				0,02		0,12			Quyết định số 5485/QĐ-UBND ngày 25/10/2002 của UBND tỉnh Ninh Thuận
5	Dự án đường dây 220 kV Nha Trang - Tháp Chàm	0,6		0,6				0,6					Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 14/9/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận
6	Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm - Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ Cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2017-2020	3,49		3,49				3,49					Quyết định số 137/QĐ-UBND ngày 4/5/2020 của UBND tỉnh Ninh Thuận
7	Hệ thống hồ chứa nước Kiên Kiên	7,26	0,87	6,39	0,87	6,39							Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận